



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh

Số 49/GP/KDBH

ngày 23 tháng 4 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Tài chính cấp, đã được điều chỉnh các lần sau:

Số 49/GPDC/KDBH

ngày 11 tháng 8 năm 2008

Số 49/GPDC/KDBH

ngày 11 tháng 11 năm 2008

Số 49/GPDC/KDBH

ngày 30 tháng 6 năm 2010

Số 49/GPDC/KDBH

ngày 07 tháng 8 năm 2010

Số 49/GPDC/KDBH

ngày 01 tháng 11 năm 2011

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thanh Hiền

Chủ tịch

(từ ngày 28 tháng 10 năm 2011)

Ông Lê Xuân Thìn

Chủ tịch

(đến ngày 28 tháng 10 năm 2011)

Ông Trần Văn Hồi

Ủy viên

Ông Đào Mạnh Kháng

Ủy viên

Bà Sừ Bùi Bảo Ngọc

Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Ủy viên

Ông Nguyễn Văn Thịnh

Ủy viên

Ông Phạm Việt Minh

Ủy viên

(từ ngày 28 tháng 10 năm 2011)

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Ủy viên

(đến ngày 22 tháng 9 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Hải

Tổng Giám đốc

(đến ngày 15 tháng 3 năm 2012)

Ông Vũ Tuấn Phan

Phó Tổng Giám đốc

(phụ trách điều hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2012)

Quyền Tổng Giám đốc

(từ ngày 15 tháng 5 năm 2012)

Ông Tạ Chiến

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 15, tòa nhà Geleximco

Số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa

Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 6 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2011.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-271




Nguyễn Thủy Dương

Chỉ định kiểm toán viên số 0893/KTV

Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Minh Hiếu

Chỉ định kiểm toán viên số N.1572/KTV


Hà Nội, ngày 4 tháng 7 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND (phân loại lại)
TÀI SẢN				
A – TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		864.854.721.142	806.858.258.177
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	79.219.176.744	229.407.914.700
1. Tiền mặt tại quỹ	111		1.936.080.070	3.142.378.871
2. Tiền gửi ngân hàng	112		13.120.056.674	22.265.535.829
3. Các khoản tương đương tiền	114		64.163.040.000	204.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	466.790.770.872	312.743.438.979
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		68.851.474.208	27.031.872.094
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		407.840.996.771	286.961.707.778
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129		(9.901.700.107)	(1.250.140.893)
III. Các khoản phải thu	130		311.827.930.321	257.780.429.428
1. Phải thu của khách hàng	131	5	320.061.045.156	202.264.650.992
2. Trả trước cho người bán	132	6	5.236.103.003	50.794.687.345
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		334.377.141	221.668.026
5. Các khoản phải thu khác	138	7	7.549.407.411	5.709.718.420
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(21.353.002.390)	(1.210.295.355)
V. Tài sản lưu động khác	150		7.016.843.205	6.926.475.070
1. Tạm ứng	151	9	4.906.282.578	6.691.232.218
2. Chi phí trả trước	152		319.803.205	58.684.136
4. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	154		602.473.075	176.558.716
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		17	1.188.284.347	-
B – TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		98.642.392.542	143.572.890.716
I. Tài sản cố định	210		11.207.999.855	6.096.127.977
1. Tài sản cố định hữu hình	211	10	10.888.804.941	5.597.207.810
- Nguyên giá	212		16.681.868.691	8.251.968.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(5.793.063.750)	(2.654.760.629)
3. Tài sản cố định vô hình	217	11	319.194.914	498.920.167
- Nguyên giá	218		1.024.750.000	1.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(705.555.086)	(501.079.833)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		77.990.000.000	127.990.000.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	12	76.000.000.000	126.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	228	13	1.990.000.000	1.990.000.000
II. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		9.444.392.687	9.486.762.739
1. Ký quỹ bảo hiểm	241	14	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn			1.005.031.900	1.853.362.502
3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		2.439.360.787	1.633.400.237
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		963.497.113.684	950.431.148.893

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND (phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
A – NỢ PHẢI TRẢ	300		451.306.649.903	414.413.333.384
I. Nợ ngắn hạn	310		208.001.440.069	189.864.810.703
3. Phải trả cho người bán	313	15	184.517.417.714	150.814.527.543
4. Người mua trả tiền trước	314	16	3.422.452.363	2.812.048.683
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	17	10.562.763.231	19.280.870.232
6. Phải trả công nhân viên	316		4.223.374.218	11.630.129.131
8. Các khoản phải trả khác	318	18	5.275.432.543	5.311.140.985
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	319		-	16.094.129
III. Dự phòng nghiệp vụ	330	19	235.922.619.437	215.331.229.227
1. Dự phòng phí	331		105.216.324.138	107.289.331.105
3. Dự phòng bồi thường	333		108.173.777.235	92.072.597.817
4. Dự phòng dao động lớn	334		22.532.518.064	15.969.300.305
IV. Nợ khác			7.382.590.397	9.217.293.454
1. Doanh thu chưa thực hiện	348	20	7.382.590.397	9.217.293.454
B – NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		512.190.463.781	536.017.815.509
I. Nguồn vốn, quỹ	410	21	512.190.463.781	536.017.815.509
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá	413		64.200.739	614.097.314
6. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		4.930.250.814	4.502.200.326
8. Lợi nhuận chưa phân phối	418		7.196.012.229	30.901.517.869
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		963.497.113.684	950.431.148.893

Người lập:



Phạm Tuấn Thắng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Vũ Tuấn Phan
 Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 06 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B02a – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01	22	592.771.201.678	482.867.822.130
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02	23	32.069.435.639	20.658.020.146
3. Các khoản giảm trừ:	03		(406.067.421.460)	(284.140.056.686)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04	24	(398.135.248.075)	(265.526.065.525)
- Hoàn phí bảo hiểm	06		(7.929.201.098)	(18.609.726.932)
- Các khoản giảm trừ khác	07		(2.972.287)	(4.264.229)
4. Giảm/(Tăng) dự phòng phí	08	19	2.073.006.967	(61.315.947.301)
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		36.691.349.213	33.337.213.549
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		1.136.327.169	474.900.369
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		258.673.899.206	191.881.952.207
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15	25	(236.409.716.675)	(76.104.938.915)
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(2.851.672.073)	(102.309.543)
10. Các khoản giảm trừ:	17		135.487.154.294	19.876.725.758
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18	26	135,487,154,294	19.876.725.758
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		(103.774.234.454)	(56.330.522.700)
13. Tăng dự phòng bồi thường	23	19	(35.875.964.171)	(8.714.043.615)
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	19	(6.563.217.759)	(10.964.511.483)
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		(41.714.375.207)	(37.173.689.945)
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		(33.588.996.583)	(31.990.546.515)
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		(7.282.444.261)	(4.692.807.643)
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		(842.934.363)	(580.335.787)
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		(187.927.791.591)	(113.182.767.743)

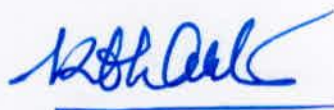
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mẫu B02a – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
17. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		70.746.107.615	78.699.184.464
18. Chi phí bán hàng	43	27	(40.634.725.650)	(36.102.463.547)
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	28	(76.733.538.203)	(74.681.684.465)
20. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(46.622.156.238)	(32.084.963.548)
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	29	96.854.223.107	84.500.541.507
22. Chi hoạt động tài chính	47	30	(36.591.742.582)	(6.763.463.949)
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		60.262.480.525	77.737.077.558
24. Thu nhập hoạt động khác	52		922.328.308	25.998.217
25. Chi hoạt động khác	53		(2.046.002.851)	(6.707.072)
26. Lợi nhuận hoạt động khác	54		(1.123.674.543)	19.291.145
27. Tổng lợi nhuận kế toán	55		12.516.649.744	45.671.405.155
28. Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận chịu thuế để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56		1.394.310.219	(708.857.500)
29. Tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	57		13.910.959.963	44.962.547.655
31. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		13.910.959.963	44.962.547.655
32. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	31	(3.477.739.991)	(11.240.636.914)
33. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		9.038.909.753	34.430.768.241

Người lập:



Phạm Tuấn Thắng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Vũ Luân Phan
 Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 6 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B03 – DNBH
*(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)*

Chi tiêu	Mã số	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
I – Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền từ thu phí và hoa hồng	01	372.632.378	232.772.183
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	782.725.783.887	632.256.578.087
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	3.824.145.010	11.024.893.074
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	282.584.765.639	147.219.368.773
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(235.469.548.108)	(93.025.695.812)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(338.701.733.186)	(339.787.349.600)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(84.164.262.120)	(73.193.734.076)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(37.477.511.774)	(29.102.092.737)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(66.634.947.345)	(61.963.077.568)
10. Tiền trả cho các khoản nợ khác	10	(293.288.062.341)	(133.819.085.337)
11. Tiền ứng trước cho người bán và tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	11	(31.838.768.451)	(25.694.041.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(18.067.506.411)	34.148.535.235
II – Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	618.028.559.579	1.448.659.907.015
2. Tiền thu lãi đầu tư	22	55.535.451.128	84.912.451.930
3. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(568.609.425.768)	(1.329.561.444.865)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(1.074.634.686)	(511.798.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	103.879.950.253	203.499.115.860

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mẫu B03 – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
III – Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền đã trả nợ vay	34	-	(9.109.000)
6. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(32.326.191.721)	(25.031.271.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.326.191.721)	(25.040.380.054)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	53.486.252.121	212.607.271.041
Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.407.914.700	17.109.030.846
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá		325.009.923	(308.387.187)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 3)	70	79.219.176.744	229.407.914.700

Người lập:



Phạm Tuấn Thắng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Vũ Tuấn Phan
 Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 06 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này